

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HS-PT-CTN
Ngày 25 tháng 01 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tâm.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Bà Phạm Thị Minh Châu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Văn Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2023/TLPT-HS-CTN ngày 18 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXPT-HS-CTN ngày 12 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Đ (tên gọi khác là T), do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Ngọc Đ là ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2023/HS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Ngọc Đ (T), sinh ngày 08/9/2006, tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 sinh năm 1980 và bà Trần Thị B sinh năm 1982; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/6/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Ngọc Đ:

Ông Nguyễn Văn T1 sinh năm 1980; bà Trần Thị B sinh năm 1982;

Cùng cư trú: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc Đ: Bà Văng Thị V, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A; địa chỉ: Số H L, phường M, L, An Giang (có mặt).

Trong vụ án còn có bị cáo Phan Quốc T2, sinh năm 2003; nơi sinh: tại An Giang; nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện T, An Giang; bị hại Huỳnh Danh D, sinh năm

2005 (đại diện hợp pháp là ông Huỳnh Công D1, sinh năm 1985); nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, An Giang và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn K, sinh năm 2001; nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện T, An Giang. Do không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 27/3/2023, Phan Quốc T2 ngồi cùng Nguyễn Ngọc Đ, Lê Vũ L ở quán “Đ” thuộc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh An Giang; đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì Võ Văn T3 gọi điện thoại cho Đ và kêu Đang đi đến cầu K thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang để nói chuyện việc mâu thuẫn trước đó giữa T3 và Đ. Lúc này Nguyễn Ngọc Đ kể lại sự việc mâu thuẫn với T3 cho T2 nghe và rủ T2 cùng đi để gặp T3 giải quyết mâu thuẫn thì T2 đồng ý. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô biển số: 67M1 - 702.51 chạy về nhà T2 lấy 02 con dao tự chế mang theo và quay lại quán “Đại Lợi” để rủ T2 cùng đi đến cầu K, trên đường đi cả hai cùng bàn bạc và thống nhất khi gặp T3, nếu xảy ra cự cãi thì sẽ dùng dao tự chế mang theo sẵn để giải quyết mâu thuẫn. Lúc này, Đ điện thoại cho Trần Văn H đang đánh bóng chuyền cùng với Huỳnh Ngọc Q và Huỳnh Danh D. Đang nhờ H kêu D cùng đến cầu K để đối chất với Đ và T3 về việc mâu thuẫn trước đó.

Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến cầu K Đang đưa cho T2 cầm 01 con dao tự chế dài 64 cm, cán bằng nhựa màu đen dài 13,5 cm; Nguyễn Ngọc Đ cầm 01 con dao tự chế dài 65,5 cm cán bằng gỗ tròn màu đen dài 20 cm và giấu bên hông trái. Khi đến nơi T2 đứng bên kia cầu, Đang thì đi đến đứng giữa cầu nói chuyện với T3, cùng nhóm của T3 gồm: Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn K1 và Phan Văn T4 thì Đ và T3 xảy ra cự cãi; T3, H1 và K1 ném chai thủy tinh về phía Đang nên Đ cầm dao bỏ chạy về phía chân cầu X, thấy Đ bị nhóm của T3 đuổi đánh nên T2 cầm dao tự chế đuổi chém lại nhóm T3. Lúc này, D đang đứng trên cầu thì bị T2 cầm dao tự chế chém 02 nhát trúng vào người D, 01 nhát trúng vào cánh tay trái xuống mông trái và 01 nhát trúng vào vai trái. D bỏ chạy vào Trại Y tế xã T, huyện C, T2 điều khiển xe mô tô biển số: 67M1 - 702.51 chở Đ chạy vào khu vực chợ T6 tìm nhóm của T3 để tiếp tục chém nhưng không thấy ai, sau đó T2 điều khiển xe mô tô chở Đ về nhà, Đ lấy 02 con dao tự chế cất giấu rồi về nhà ngủ, còn T2 bỏ trốn. D được gia đình đưa đi cấp cứu và điều trị thương tích tại Bệnh viện Đ1. Sau đó, Huỳnh Công D1 là cha ruột của D đến Công an xã T trình báo nội dung vụ việc.

Vật chứng thu giữ:

- 01 con dao tự chế dài 65,5 cm, cán bằng gỗ tròn màu đen dài 20 cm, đường kính 3,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 45,5 cm có đầu nhọn và 01 vỏ dao bằng gỗ màu đen dài 54 cm có đầu nhọn, đầu rộng nhất 6,2 cm;

- 01 con dao tự chế dài 64 cm, cán bằng nhựa màu đen dài 13,5 cm, rộng nhất 05 cm, lưỡi dao bằng kim loại có màu đen – trắng, dài 50,5 cm có đầu nhọn, phần rộng nhất 4,7 cm;

Căn cứ Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 386/23/KLTTCT-TTPY ngày 01/6/2023 của Trung tâm P - Sở Y tế tỉnh A, kết luận: Huỳnh Danh D, sinh năm: 2005, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên của Huỳnh Danh D, áp dụng phương pháp cộng theo Thông tư tại thời điểm giám định là: 15% (mười lăm phần trăm). Thương tích trên do vật sắc gây nên.

Tại Bản án số 60/2023/HS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ 02 năm tù, xử phạt bị cáo Phan Quốc T2 02 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/11/2023, ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị B là đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Ngọc Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc Đ đề nghị xem xét chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: đại diện hợp pháp của bị cáo Đ kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn luật định, về hình thức và nội dung kháng cáo phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc kháng cáo để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt; áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, 58, 91, 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù về tội cố ý gây thương tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đại diện hợp pháp của bị cáo Đ kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn luật định, về hình thức và nội dung kháng cáo phù hợp quy

định tại Các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về Nội dung:

Lời khai của bị cáo Nguyễn Ngọc Đ tại phiên tòa phúc thẩm thừa nhận có cùng với bị cáo Phan Quốc T2 chuẩn bị hung khí để đi gặp Võ Văn T3 giải quyết mâu thuẫn. T2 đã sử dụng dao tự chế chém gây thương tích cho bị hại Huỳnh Danh D vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 27/3/2023, tại khu vực cầu K thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Hậu quả là bị hại Huỳnh Danh D bị thương tích ở tay trái và mông trái.

Lời khai nhận của bị cáo Đ phù hợp với lời khai của bị cáo Phan Quốc T2 trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại Huỳnh Danh D, những người làm chứng Võ Văn T3, Trần Văn H, Huỳnh Ngọc Q, Lê Văn Vũ L1 về diễn biến của sự việc, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thẩm tra như Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 386/23/KLTTCT-TTPY ngày 01/6/2023 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh A Từ đó, đủ căn cứ xác định, các bị cáo Nguyễn Ngọc Đ và Phan Quốc T2 đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm, cố ý gây thương tích cho bị hại Huỳnh Danh D với tỷ lệ tỷ thương cơ thể 15%. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Cố ý gây thương tích*" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo theo tội danh và khung hình phạt trên là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, gây tổn thương cơ thể bị hại với tỷ lệ 15%, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có sự chuẩn bị sẵn hung khí nguy hiểm là dao tự chế để giải quyết mâu thuẫn và trong lúc bị cáo Đ cự cãi nhau với T3, Đ bị nhóm T3 ném chai thủy tinh thì T2 liền dùng dao chém gây thương tích cho D, mặc dù D không phải là người có mâu thuẫn với Đ. Sau đó, các bị cáo còn tiếp tục tìm những người khác trong nhóm của T3 định chém nhưng không gặp. Hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất côn đồ, hung hãn, xem thường pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đồng thời xem xét áp dụng cho các bị cáo T2 và Đang các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như thành khẩn khai báo, đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, được đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Đ đầu thú với Công an và khi phạm tội là người dưới 18 tuổi là có căn cứ. Mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo T2 02 năm 6 tháng tù, bị cáo Đ 02 năm tù là trong khung hình phạt theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình (từ 02 năm đến 06 năm tù). Bị cáo T2 không kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Ngọc Đ thấy rằng, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có tính chất côn đồ nên theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 thì bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng, trong vụ án bị cáo Đ không phải là người trực tiếp gây thương tích cho bị hại nhưng là người rủ rê, mang theo hung khí, giúp sức cho bị cáo T2. Cấp sơ thẩm xác định bị cáo T2 giữ vai trò chính, bị cáo Đ là người giúp sức là có căn cứ. Hình phạt áp dụng đối với bị cáo T2 là 02 năm 06 tháng tù là phù hợp, tuy nhiên hình phạt áp dụng đối với bị cáo Đ 02 năm tù là cao, do bị cáo là người chưa thành niên và theo xác nhận của Ban Giám hiệu trường THPT V1 thì Nguyễn Ngọc Đ là học sinh lớp 11A5 của T5, năm học 2022-2023. Bị cáo Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và theo quy định tại khoản 1 Điều 101 thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá $\frac{3}{4}$ mức phạt tù mà điều luật quy định. Do đó, quan điểm của người bào chữa cho bị cáo và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ nên được chấp nhận. Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm, do bị cáo là người dưới 18 tuổi và yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Ngọc Đ.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2023/HSST ngày 07/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Đ (T) phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 54, 58, 91, 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ (T) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 28/6/2023).

Bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2023/HSST ngày 07/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không có

kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân huyện Châu Thành;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành;
- Cơ quan THAHS huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đường sự;
- Người bào chữa;
- Phòng KTNV và THA;
- Tòa Hình sự;
- PV 06;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Tâm